CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Công nghiệp Tung Kuang

Ngày 30/09/2025	13,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.2%	**-7.9%**	**-9.1%**

DT thuần
Q3/25
142
tỷ VNĐ
QoQ: ▼26.0| -15.5%
YoY: ▼60.0| -29.7%

LN thuần
Q3/25
1.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.9| -91.2%
YoY: ▼9.76| -90.3%

LN sau thuế
Q3/25
-3.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.0| -134%
YoY: ▼11.5| -141%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.0%
YoY: +/-▼ 6.8%

ROE (TTM)
Q3/25
7.2%
YoY: +/-▼ 2.0%

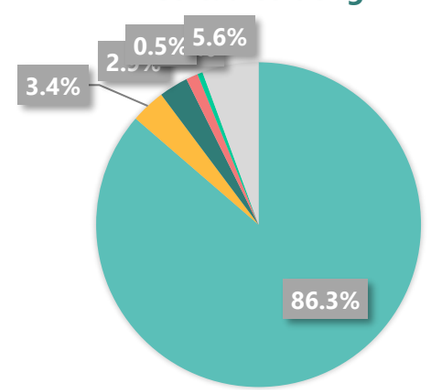
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,023 - 17,409
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	619
Số lượng CPLH (CP)	46,881,398
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,460
Sở hữu nước ngoài	8.1%
Beta	0.09
EPS	833
P/E	15.8

DT thuần
9T 2025
527
tỷ VNĐ
YoY: ▼92.0| -14.8%

LN thuần
9T 2025
35.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.5| -27.6%

LN sau thuế
9T 2025
23.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.7| -41.2%

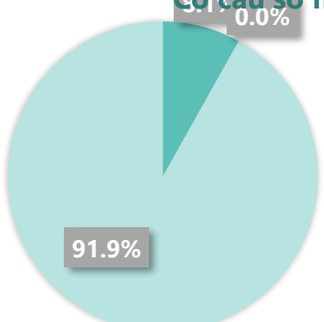
Cơ cấu cổ đông



- Rich International Holding LLC
- Liu Chien Hung (Tổng giám đốc)
- Ngô Thị Ngọc Quyên (Trưởng ban kiểm soát)
- Ma Chia Lung (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Liu Chen Chin (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

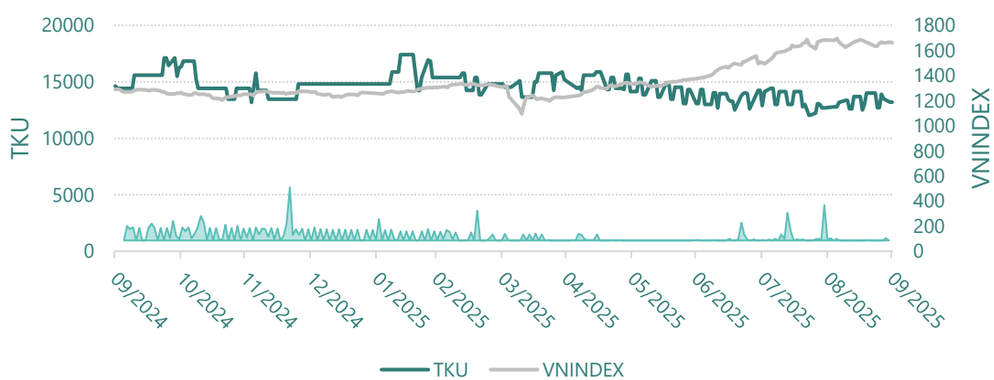
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

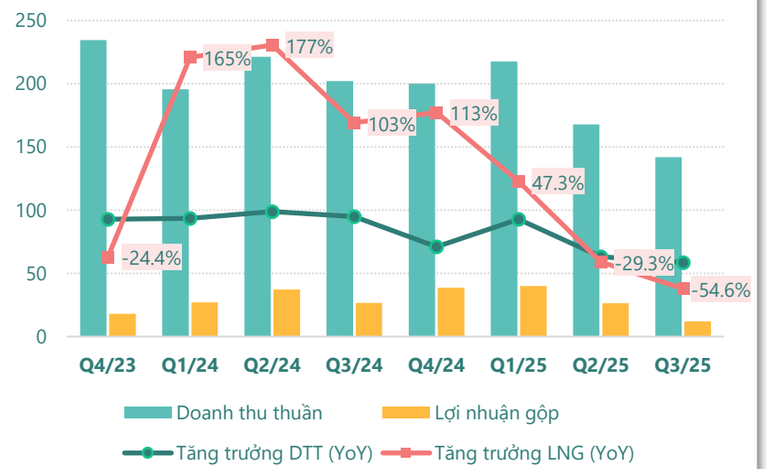
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



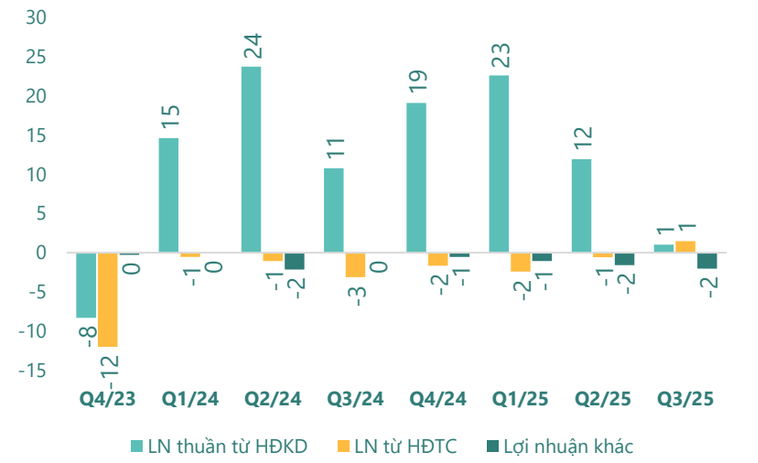
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



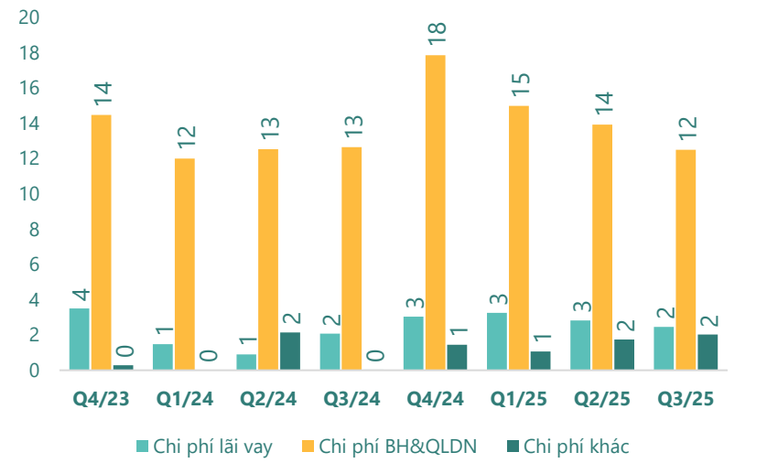
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



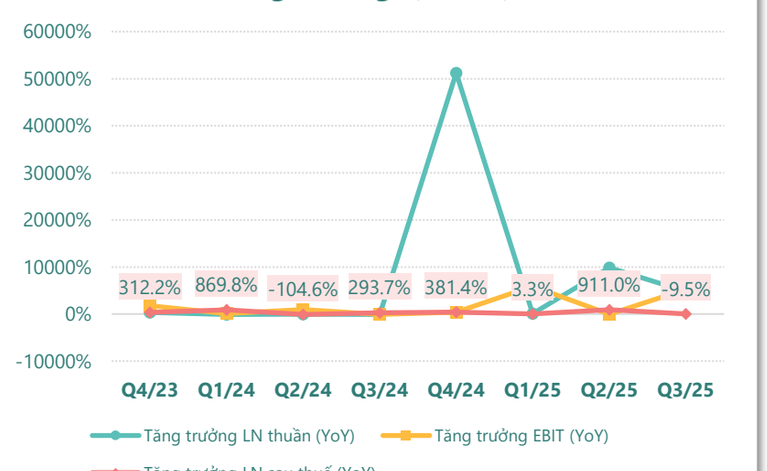
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



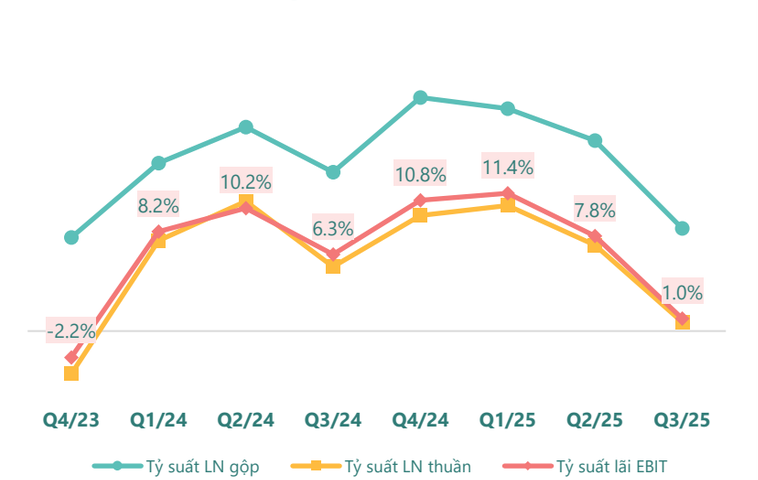
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



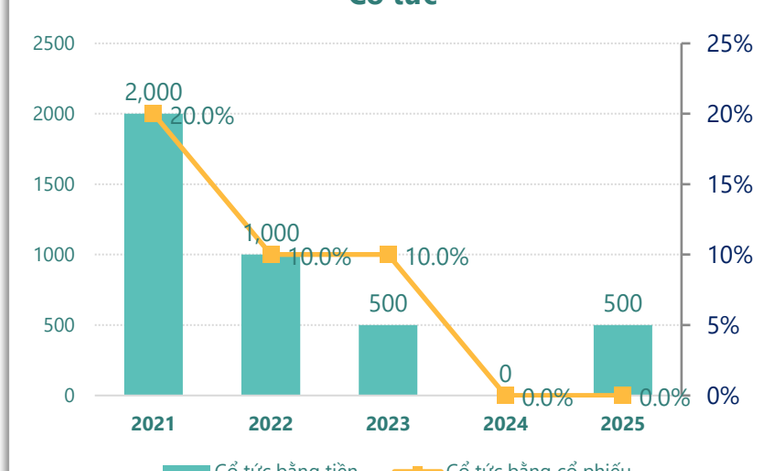
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

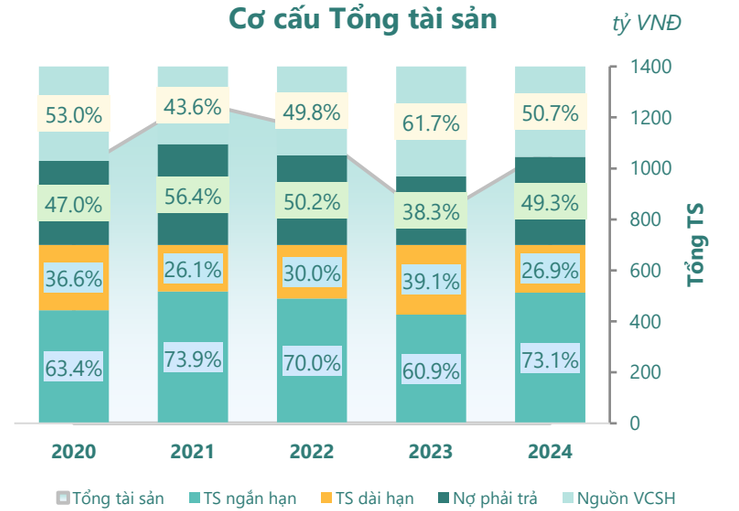
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

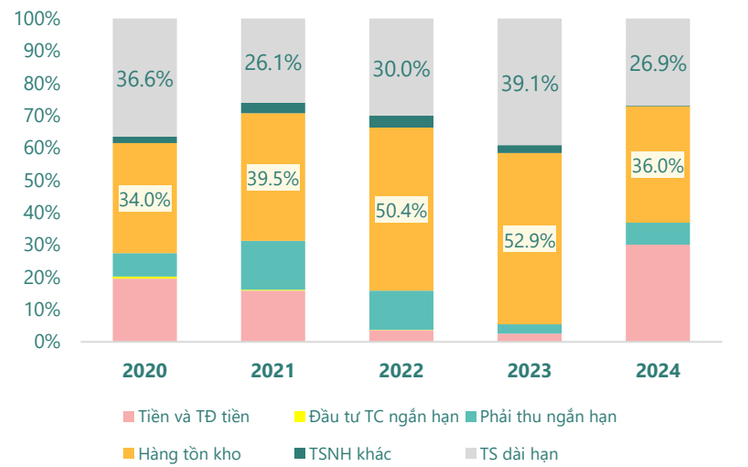
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



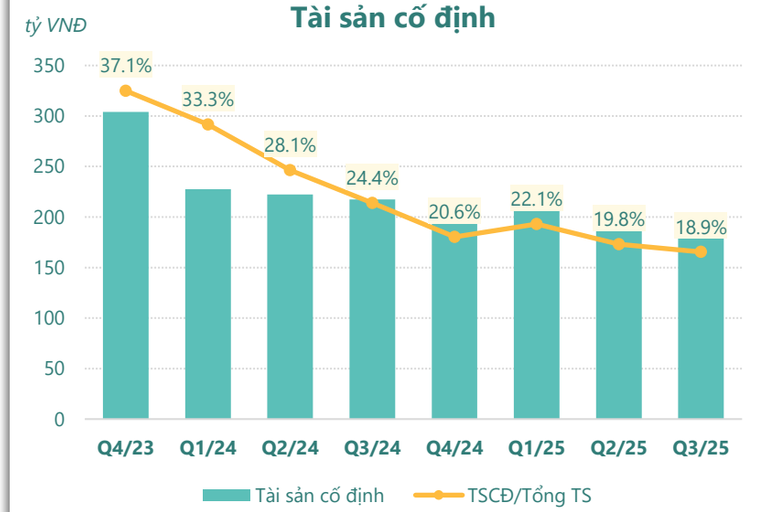
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



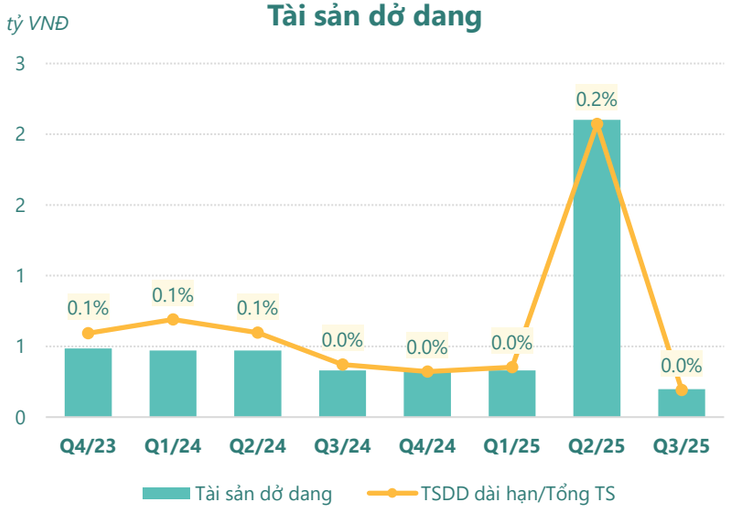
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



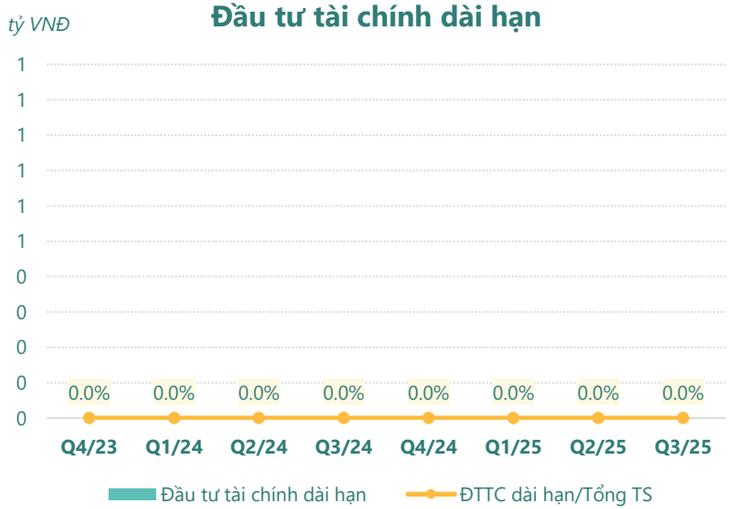
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



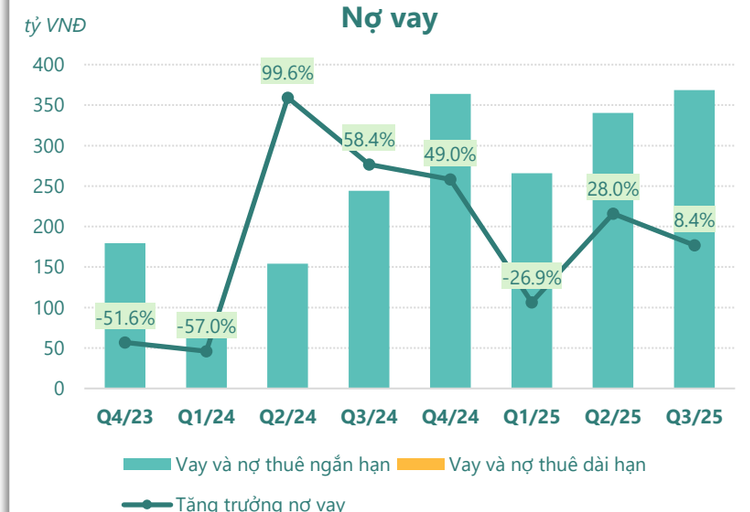
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

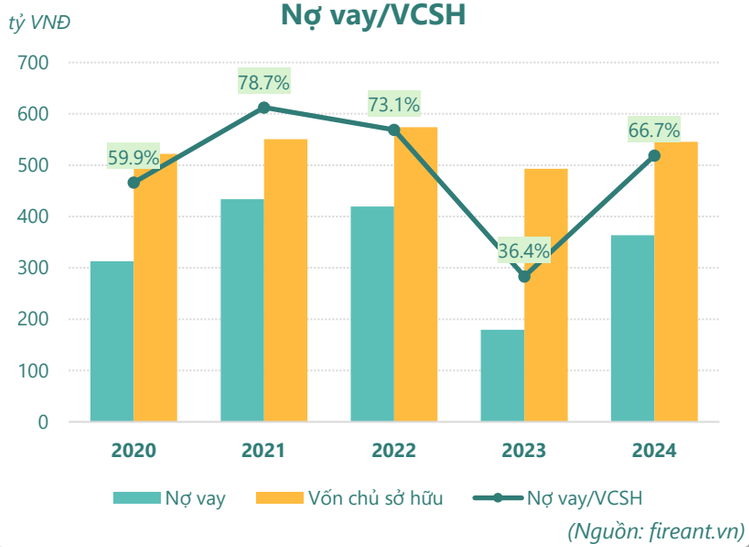
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

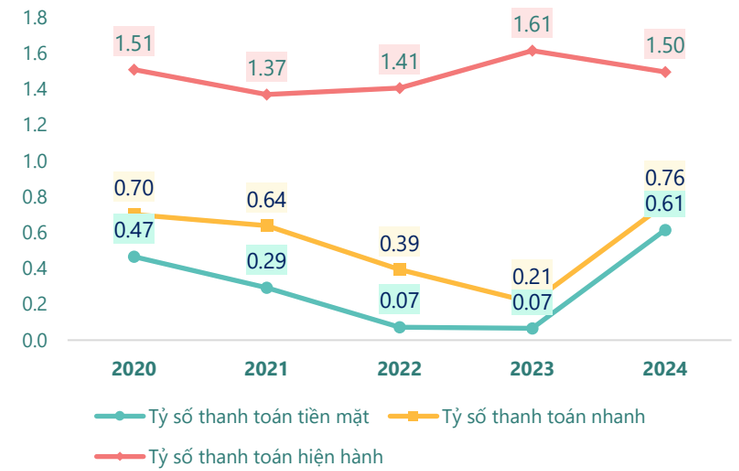
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



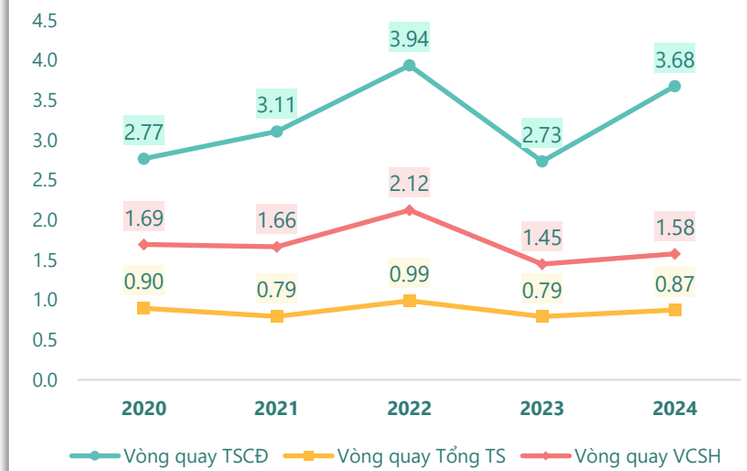
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



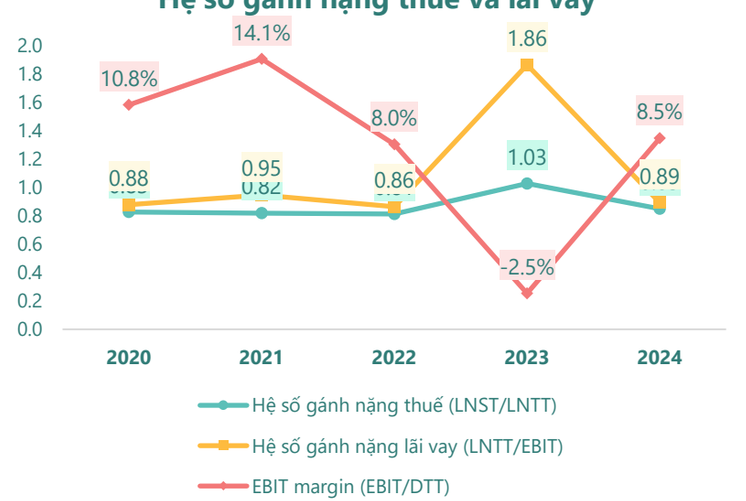
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



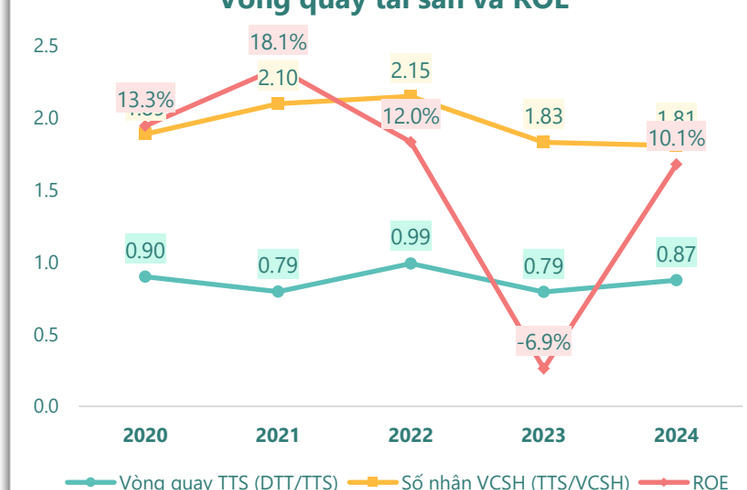
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



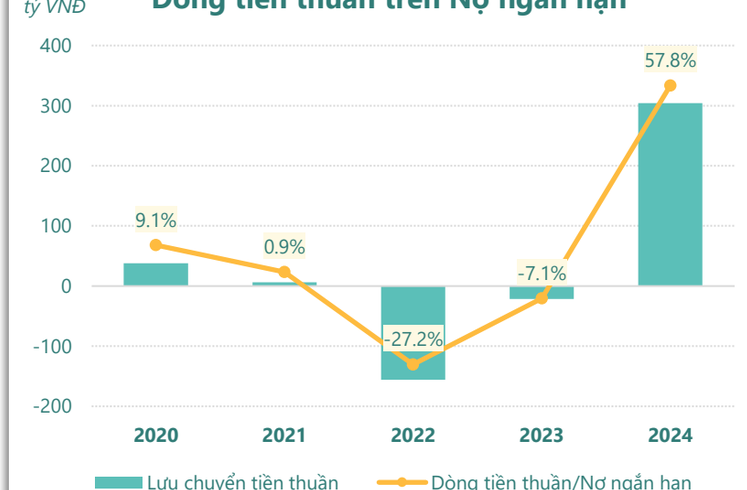
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**142**	**202**	**-29.7%**	**527**	**619**	**-14.8%**
Giá vốn hàng bán	130	176	-26.2%	449	528	-15.0%
Lợi nhuận gộp	12.1	26.5	-54.5%	78.5	91.0	-13.8%
Doanh thu HĐTC	5.73	0.22	2503%	11.4	3.00	279%
Chi phí TC	4.24	3.35	26.5%	12.9	7.73	66.4%
Chi phí lãi vay	2.46	2.08	18.4%	8.54	4.46	91.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.54	3.99	-36.2%	10.9	10.2	7.4%
Chi phí QLDN	**9.95**	**8.65**	**15.1%**	**30.5**	**27.0**	**12.9%**
LN thuần từ HĐKD	1.04	10.8	-90.3%	35.6	49.1	-27.6%
Lợi nhuận khác	**-2.02**	**-0.04**	**-4955%**	**-4.66**	**-2.20**	**-112%**
LN trước thuế	-0.98	10.7	-109%	30.9	46.9	-34.2%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.32**	**8.13**	**-141%**	**23.8**	**40.5**	**-41.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.32**	**8.13**	**-141%**	**23.8**	**40.5**	**-41.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	90.6	-103	37.0	67.7	42.0	-24.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.7	18.0	5.61	1.93	-0.18	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	58.3	109	120	-97.8	74.6	24.6
Tiền đầu kỳ	7.62	139	162	324	296	412
Lưu chuyển tiền thuần	**131**	**23.3**	**162**	**-28.2**	**116**	**10.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0	0	-0.40	0.40
Tiền cuối kỳ	139	162	324	296	412	422

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,030**	**1,077**	**-4.4%**
Tài sản ngắn hạn	758	788	-3.8%
Tiền và tương đương tiền	422	324	30.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	99.2	72.9	36.0%
Hàng tồn kho	233	388	-40.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.53	3.17	11.4%
Tài sản dài hạn	**272**	**289**	**-5.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	195	211	-7.9%
Bất động sản đầu tư	64.4	66.9	-3.8%
Tài sản dở dang	0.20	0.33	-40.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**12.7**	**10.6**	**20.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	485	531	-8.7%
Nợ ngắn hạn	**480**	**526**	**-8.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	369	364	1.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.5	69.6	-73.4%
Nợ dài hạn	5.03	5.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**545**	**546**	**-0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**545**	**546**	**-0.2%**
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)